

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHÂU PHÚ  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2022/HS-ST  
Ngày 24 - 01 - 2022

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CP, TỈNH ANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Duy Linh.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Hoàng Tuấn.

Ông Nguyễn Ngọc Bờ.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Quốc Hoàng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện CP, tỉnh AnG.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú tham gia phiên tòa:**  
Ông Nguyễn Văn Thành và bà Lê Thị Kim TrAg - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 18 và 24 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện CP, tỉnh AnG xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 63/2021/TLST-HS ngày 28 tháng 10 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 66/2021/QĐXXST-HS ngày 23 tháng 11 năm 2021 và Thông báo mở lại phiên tòa số: 01/TB-TA ngày 05 tháng 01 năm 2022, đối với các bị cáo:

1. Võ ThAnh T, sinh năm 1967, tại huyện TN, tỉnh ĐT; nơi cư trú: Ấp MT, xã MĐ, huyện CP, tỉnh AnG; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 3/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Đạo Cao Đài; quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ Hoàng Th, sinh năm 1937 và bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1940 (đã chết); bị cáo có vợ tên Trần Thị Kim Đ, sinh năm 1969 và có 02 con, người con lớn sinh năm 1986, người con nhỏ sinh năm 1988;

Tiền án: Không; tiền sự: 01 lần. Ngày 05/5/2021, bị Công an huyện An Phú ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính số tiền 1.500.000 đồng, về hành vi “Đánh bạc – đá gà ăn thua bằng tiền”, đã chấp hành xong quyết định xử phạt ngày 10/5/2021. Về nhân thân: Từ nhỏ sống chung với cha mẹ tại xã DUY THỊ KIM Q, huyện CP; học đến lớp 3 thì nghỉ học; năm 21 tuổi lập gia đình và sinh sống tại xã Tân Công Sính, huyện TN, tỉnh ĐT; sau đó cùng vợ sinh sống tại tỉnh Bình Dương, rồi về sinh sống tại ấp MT, xã MĐ, huyện CP cho đến khi bị bắt.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam kể từ ngày 03/6/2021 đến ngày 30/8/2021; được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú kể từ ngày 31/8/2021 cho đến nay; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Hữu ThAnh A, sinh năm 1986, tại huyện CP, tỉnh AnG; nơi cư trú: Ấp KĐ, xã KH, huyện CP, tỉnh AnG; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Đạo Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Hữu D, sinh năm 1966 và bà Ngô Thị H, sinh năm 1969; bị cáo chưa có vợ, con;

Tiền án: Không; tiền sự: Không. Về nhân thân: Từ nhỏ sống chung với cha mẹ, học đến lớp 10 thì nghỉ học, phụ giúp gia đình, sau đó sống bằng nghề lái xe. Ngày 06/9/2007, bị Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xử phạt 03 năm tù, về tội “Cướp tài sản”; chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 19/9/2009; đã được xóa án tích. Ngày 02/8/2013, bị Ủy ban nhân dân quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính số tiền 35.000.000 đồng, về hành vi “Buôn bán hàng cấm”, đã chấp hành xong quyết định xử phạt vào ngày 02/8/2013.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam kể từ ngày 02/6/2021 đến ngày 29/8/2021; được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú kể từ ngày 30/8/2021 cho đến nay; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

*- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1) Nguyễn Thị Hà L, sinh năm 1967. Nơi cư trú: Ấp MC, xã MĐ, huyện CP, tỉnh AnG (có mặt)

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Nguyễn Thị Hà L:* Luật sư Ngô Văn S - Văn phòng Luật sư Lê ThAnh Thuận thuộc Đoàn luật sư tỉnh Cà Mau. Địa chỉ liên hệ: Đường Nguyễn Văn Cừ, tổ 32, khóm 01, thị trấn TT, huyện TT, tỉnh AnG (có mặt)

2) Trần Thị Kim M, sinh năm 1986. Nơi cư trú: Ấp MT, xã MĐ, huyện CP, tỉnh AnG (vắng mặt)

3) Mai Hồng D1, sinh năm 1980. Nơi cư trú: Ấp BT, xã BC, huyện CP, tỉnh AnG (vắng mặt)

4) Nguyễn Thị Mỹ H, sinh năm 1978. Nơi cư trú: Ấp KĐ, xã KH, huyện CP, tỉnh AnG (có mặt)

5) Lê Thị Ngọc H1, sinh năm 1979. Nơi cư trú: Tổ 15, ấp VP, thị trấn CD, huyện CP, tỉnh AnG (vắng mặt)

6) Lương Thị Tuyết M1, sinh năm 1966. Nơi cư trú: Khóm VH, thị trấn VTT, huyện CP, tỉnh AnG (vắng mặt)

7) Trịnh Thị Anh Đ, sinh năm 1976. Nơi cư trú: Số 351 tổ 15 đường Trần

Quang Diệu, ấp VP, thị trấn CD, huyện CP, tỉnh AnG (vắng mặt)

8) Bùi ThAnh Đ2, sinh năm 1989. Nơi cư trú: Ấp MT, xã DUY THỊ KIM Q, huyện CP, tỉnh AnG (vắng mặt)

9) Đặng Văn S, sinh năm 1967. Nơi cư trú: Ấp KA, xã KH, huyện CP, tỉnh AnG (vắng mặt)

10) Trà Phước Đ3, sinh năm 1956. Nơi cư trú: Ấp MT, xã MĐ, huyện CP, tỉnh AnG (có mặt)

11) Lê Thị Bé H3, sinh năm 1985. Nơi cư trú: Ấp MT, xã MĐ, huyện CP, tỉnh AnG (vắng mặt)

12) Trương Thị H4, sinh năm 1972. Nơi cư trú: Tổ 02, ấp MT, xã MĐ, huyện CP, tỉnh AnG (vắng mặt)

13) Nguyễn Thị Cúc H5, sinh năm 1990. Nơi cư trú: Tổ 10, ấp KL, xã KH, huyện CP, tỉnh AnG (vắng mặt)

14) Huỳnh Hữu Đ4, sinh năm 1981. Nơi cư trú: Ấp MT, xã MĐ, huyện CP, tỉnh AnG (vắng mặt)

15) Nguyễn Ngọc Phượng L2, sinh năm 1995. Nơi cư trú: Tổ 18, ấp MT, xã MĐ, huyện CP, tỉnh AnG (vắng mặt)

16) Võ Thị Thu Th, sinh năm 1966. Nơi cư trú: Số 627 tổ 16, ấp MH, xã DUY THỊ KIM Q, huyện CP, tỉnh AnG (có mặt)

17) Quách Văn N2, sinh năm 1981. Nơi cư trú: Ấp KL, xã KH, huyện CP, tỉnh AnG (vắng mặt)

18) Huỳnh ThAnh T2, sinh năm 1981. Nơi cư trú: Tổ 07, Ấp KĐ, xã KH, huyện CP, tỉnh AnG (vắng mặt)

19) Nguyễn Hữu T3, sinh năm 1970. Nơi cư trú: Số 148 tổ 05, khóm VT, thị trấn VTT, huyện CP, tỉnh AnG (có mặt)

20) Trần Thị ThAnh C1 (Mạnh), sinh năm 1988. Nơi cư trú: Ấp MT, xã MĐ, huyện CP, tỉnh AnG (vắng mặt)

21) Nguyễn Thiện Ph, sinh năm 1970. Nơi cư trú: Ấp MT, xã MĐ, huyện CP, tỉnh AnG (vắng mặt)

22) Duy Thị Kim Q, sinh năm 1967. Nơi cư trú: Ấp MP, xã MĐ, huyện CP, tỉnh AnG (vắng mặt)

23) Lữ Thị Tuyết L3, sinh năm 1991. Nơi cư trú: Tổ 29, ấp MT, xã MĐ, huyện CP, tỉnh AnG (vắng mặt)

24) Hồng Ánh Ng, sinh năm 1985. Nơi cư trú: Tổ 21, ấp MP, xã MĐ, huyện CP, tỉnh AnG (có mặt)

25) Nguyễn Thị Mỹ Ch, sinh năm 1973. Nơi cư trú: Tổ 10, ấp MT, xã MĐ, huyện CP, tỉnh AnG (vắng mặt)

26) Thái H6, sinh năm 1980. Nơi cư trú: Ấp MT, xã MĐ, huyện CP, tỉnh AnG (vắng mặt)

27) Trần Song T4, sinh năm 1984. Nơi cư trú: Tổ 05, ấp KL, xã KH, huyện CP, tỉnh AnG (vắng mặt)

28) Nguyễn Văn X, sinh năm 1968. Nơi cư trú: Số 08 tổ 01, ấp MH, xã DUY THỊ KIM Q, huyện CP, tỉnh AnG (vắng mặt)

29) Pha Thị Mộng Kh, sinh năm 1993. Nơi cư trú: Ấp KL, xã KH, huyện CP, tỉnh AnG (vắng mặt)

30) Trần Phi H6, sinh năm 1968. Nơi cư trú: Tổ 22, ấp MT, xã MĐ, huyện CP, tỉnh AnG (vắng mặt)

31) Lê Hoàng Nh, sinh năm 1980. Nơi cư trú: Ấp KH, xã KH, huyện CP, tỉnh AnG (vắng mặt)

32) Nguyễn ThAnh Ph, sinh năm 1975. Nơi cư trú: Tổ 31, ấp MT, xã MĐ, huyện CP, tỉnh AnG (vắng mặt)

33) Nguyễn Cà B, sinh năm 1968. Nơi cư trú: Tổ 07, ấp KL, xã KH, huyện CP, tỉnh AnG (vắng mặt)

34) Huỳnh ThAnh Ph (Ph), sinh năm 1976. Nơi cư trú: Ấp HA, xã HL, huyện PT, tỉnh AnG (vắng mặt)

35) Nguyễn Tam T7, sinh năm 1970. Nơi cư trú: Số 102/16 đường NTG, phường 12, quận GV, Thành phố HCM (vắng mặt)

36) Trần Văn Ph2, sinh năm 1937. Nơi cư trú: Tổ 01, ấp MH, xã MĐ, huyện CP, tỉnh AnG (vắng mặt)

37) Trần Thị Kim Đ, sinh năm 1969. Nơi cư trú: Ấp MT, xã MĐ, huyện CP, tỉnh AnG (có mặt)

38) Nguyễn Hữu ThAnh Ph3, sinh năm 1988. Nơi cư trú: Tổ 07, Ấp KĐ, xã KH, huyện CP, tỉnh AnG (có mặt)

39) Ngô Thị ThAnh H8, sinh năm 1969. Nơi cư trú: Tổ 07, Ấp KĐ, xã KH, huyện CP, tỉnh AnG (có mặt)

- *Người làm chứng:* Nguyễn Thị Ngọc Th2, sinh năm 1977 (vắng mặt)

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:*

Từ năm 2018 đến tháng 6/2021, Võ ThAnh T tiến hành hoạt động cho vay tiền cho nhiều người trên địa bàn huyện Châu Phú, với hình thức cho vay là tiền góp ngày và tiền đứng. Đối với tiền góp, số tiền T cho vay từ 2.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng, người vay và T thỏa thuận trả 30 ngày, 36 ngày, 48 ngày và 60 ngày, lãi suất cho vay từ 0,33%/ngày đến 0,67%/ngày (tương đương từ 10%/tháng đến 20%/tháng và 120%/năm đến 240%/năm), người vay vừa trả tiền vốn và lãi cho đến khi kết thúc thời hạn góp theo thỏa thuận. Riêng tiền đứng T cho vay từ 1.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng, lãi suất từ 0,5%/ngày đến 1%/ngày (tương đương 15%/tháng đến 30%/tháng và từ 180%/năm đến 360%/năm), người vay chỉ trả tiền lãi, còn tiền gốc giữ nguyên đến khi nào trả xong tiền gốc thì không đóng lãi. Để phụ giúp hoạt động cho vay tiền, từ tháng 9/2020 T thuê Nguyễn Hữu ThAnh A hàng ngày từ khoảng 17 giờ đến 18 giờ đi thu tiền vốn, lãi của những người vay rồi ghi vào sổ và giao tiền lại cho T. Đồng thời khi người vay có nhu cầu vay tiền thì T cử A đi đến xem xét điều kiện của người vay, rồi báo lại cho T để quyết định có cho vay hay không và đưa tiền cho A giao cho người vay. T trả công cho A mỗi tháng từ 6.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng.

Trong khoảng thời gian từ năm 2018 đến tháng 6/2021, T và A đã cho 35 người vay tiền, với tổng số tiền vốn là **4.928.800.000 đồng** (gồm 4.340.000.000 đồng tiền góp và 588.800.000 đồng tiền đứng), lãi suất từ 0,33%/ngày đến 1,11%/ngày (tương đương 10%/tháng đến 33,33%/tháng và từ 120%/năm đến 400%/năm) lãi suất cao hơn mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự từ 06 lần đến 20 lần. T thu lợi 856.118.333 đồng gồm: tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm là **87.735.333 đồng**, tiền lãi vượt mức lãi suất 20%/năm là **768.383.000 đồng**. Cụ thể như sau:

1. Nguyễn Thị Hà L: Vay 10 lần, tổng số tiền vay là 820.000.000 đồng, mỗi lần vay từ 20.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng, lãi suất từ 0,42%/ngày đến 0,5%/ngày (tương đương từ 12,5%/tháng đến 15%/tháng và từ 150%/năm đến 180%/năm), cao hơn mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự từ 7,5 lần đến 09 lần. T thu lãi 115.833.333 đồng gồm: tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm là 14.000.000 đồng, tiền lãi vượt mức lãi suất 20%/năm là 101.833.333 đồng.

2. Trần Thị Kim M: Vay 07 lần, tổng số tiền vay 110.000.000 đồng, mỗi lần vay từ 5.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng, lãi suất từ 0,33%/ngày đến 01%/ngày (tức là từ 10%/tháng đến 30%/tháng và từ 120%/năm đến 360%/năm), cao hơn mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự từ 7,5 lần đến 09 lần. T thu lợi 18.900.000 đồng gồm: tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm là 2.150.000 đồng, tiền lãi vượt mức lãi suất 20%/năm là 16.750.000 đồng.

3. Mai Hồng D1: Vay 06 lần, tổng số tiền vay 35.000.000 đồng, mỗi lần vay từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng, lãi suất từ 0,5%/ngày đến 01%/ngày (tức là từ 15%/tháng đến 30%/tháng và từ 180%/năm đến 360%/năm), cao hơn mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự từ 09 lần đến 18 lần. T thu lợi 7.175.000 đồng gồm: tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm là 652.778 đồng, tiền lãi vượt mức lãi suất 20%/năm là 6.522.222 đồng.

4. Nguyễn Thị Mỹ H: Vay 04 lần, tổng số tiền vay 32.000.000 đồng, mỗi lần vay từ 2.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng, lãi suất từ 0,5%/ngày đến 01%/ngày (tức là từ 15%/tháng đến 30%/tháng và từ 180%/năm đến 360%/năm), cao hơn mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự từ 09 lần đến 18 lần. T thu lợi 5.650.000 đồng gồm: tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm là 583.333 đồng, tiền lãi vượt mức lãi suất 20%/năm là 5.066.667 đồng.

5. Lê Thị Ngọc H1: Vay 03 lần, tổng số tiền vay 15.000.000 đồng, mỗi lần vay 5.000.000 đồng, lãi suất 0,5%/ngày (tức là 15%/tháng và 180%/năm), cao hơn mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự 09 lần. T thu lợi 2.400.000 đồng, tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm là 266.667 đồng, tiền lãi vượt mức lãi suất 20%/năm là 2.133.333 đồng.

6. Lương Thị Tuyết M1: Vay 11 lần, tổng số tiền vay 245.000.000 đồng, mỗi lần vay từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng, lãi suất từ 0,5%/ngày đến 01%/ngày (tức là từ 15%/tháng đến 30%/tháng và từ 180%/năm đến 360%/năm), cao hơn mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự từ 09 lần đến 18 lần. T thu lợi 30.000.000 đồng gồm: tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm là 2.972.222 đồng, tiền lãi vượt mức lãi suất 20%/năm là 27.027.778 đồng.

7. Trịnh Thị Anh Đ: Vay 02 lần, tổng số tiền vay 10.000.000 đồng, mỗi lần vay 5.000.000 đồng, lãi suất 0,5%/ngày (tức là 15%/tháng và 180%/năm), cao hơn mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự 09 lần. T thu lợi 1.400.000 đồng gồm: tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm là 155.556 đồng, tiền lãi vượt mức lãi suất 20%/năm là 1.244.444 đồng.

8. Bùi Thanh Đ2: Vay 06 lần, tổng số tiền vay 140.000.000 đồng, mỗi lần vay từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng, lãi suất từ 0,33%/ngày đến 01%/ngày (tức là từ 10%/tháng đến 30%/tháng và từ 120%/năm đến 360%/năm), cao hơn mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự từ 06 lần đến 18 lần. T thu lợi 26.766.667 đồng gồm: tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm là 2.288.889 đồng, tiền lãi vượt mức lãi suất 20%/năm là 24.477.778 đồng.

9. Đặng Văn S: Vay 02 lần, tổng số tiền vay 8.000.000 đồng, mỗi lần vay từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng, lãi suất từ 0,33%/ngày đến 01%/ngày (tức là từ 10%/tháng đến 30%/tháng và từ 120%/năm đến 360%/năm), cao hơn mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự từ 06 lần đến 18 lần. T thu lợi 1.533.333 đồng gồm: tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm là 188.889 đồng, tiền lãi vượt mức lãi suất 20%/năm là 1.344.444 đồng.

10. Trà Phước Đ3: Vay 03 lần, tổng số tiền vay 9.000.000 đồng, mỗi lần vay 3.000.000 đồng, lãi suất 0,56%/ngày (tức là 16,67%/tháng và 200%/năm), cao hơn mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự 10 lần. T thu lợi 1.350.000 đồng gồm: tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm là 135.000 đồng, tiền lãi vượt mức lãi suất 20%/năm là 1.215.000 đồng.

11. Lê Thị Bé H3: Vay 63 lần, tổng số tiền vay 183.000.000 đồng, mỗi lần vay từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng, lãi suất từ 0,5%/ngày đến 01%/ngày (tức là từ 15%/tháng đến 30%/tháng và từ 180%/năm đến 360%/năm), cao hơn mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự từ 09 lần đến 18 lần. T thu lợi 20.270.000 đồng gồm: tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm là 2.127.778 đồng, tiền lãi vượt mức lãi suất 20%/năm là 18.142.222 đồng.

12. Trương Thị H4: Vay 88 lần, tổng số tiền vay 397.000.000 đồng, mỗi lần vay từ 3.000.000 đồng đến 6.000.0000 đồng, lãi suất từ 0,5%/ngày đến 01%/ngày (tức là từ 15%/tháng đến 30%/tháng và từ 180%/năm đến 360%/năm), cao hơn mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự từ 09 lần đến 18 lần. T thu lợi 124.750.000 đồng gồm: tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm là 9.732.778 đồng, tiền lãi vượt mức lãi suất 20%/năm là 115.017.222 đồng.

13. Nguyễn Thị Cúc H5: Vay 18 lần, tổng số tiền vay 184.000.000 đồng, mỗi lần vay từ 10.000.000 đồng đến 14.000.000 đồng, lãi suất từ 0,5%/ngày đến 01%/ngày (tức là từ 15%/tháng đến 30%/tháng và từ 180%/năm đến 360%/năm), cao hơn mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự từ 09 lần đến 18 lần. T thu lợi 26.900.000 đồng gồm: tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm là 2.422.222 đồng, tiền lãi vượt mức lãi suất 20%/năm là 24.477.778 đồng.

14. Huỳnh Hữu Đ4: Vay 13 lần, tổng số tiền vay 65.000.000 đồng, mỗi lần vay 5.000.000 đồng, lãi suất từ 0,5%/ngày đến 01%/ngày (tức là từ 15%/tháng đến 30%/tháng và từ 180%/năm đến 360%/năm), cao hơn mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự từ 09 lần đến 18 lần. T thu lợi 19.575.000 đồng gồm: tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm là 1.425.000 đồng, tiền lãi vượt mức lãi suất 20%/năm là 18.150.000 đồng.

15. Nguyễn Ngọc Phượng L2: Vay 03 lần, tổng số tiền vay 13.000.000 đồng, mỗi lần vay từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng, lãi suất từ 0,5%/ngày đến 0,83%/ngày (tức là từ 15%/tháng đến 25%/tháng và từ 180%/năm đến 300%/năm), cao hơn mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự từ 09 lần đến 18 lần. T thu lợi 1.575.000 đồng gồm: tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm là 141.667 đồng, tiền lãi vượt mức lãi suất 20%/năm là 1.433.333 đồng.

16. Võ Thị Thu Th: Vay 31 lần, tổng số tiền vay 234.000.000 đồng, mỗi lần vay từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng, lãi suất từ 0,5%/ngày đến 1,11%/ngày (tức là từ 15%/tháng đến 33,33%/tháng và từ 180%/năm đến 400%/năm), cao hơn mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự từ 09 lần đến 20 lần. T thu lợi 33.450.000 đồng gồm: tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm là 3.073.889 đồng, tiền lãi vượt mức lãi suất 20%/năm là 30.376.111 đồng.

17. Quách Văn N2: Vay 01 lần với số tiền 3.000.000 đồng, lãi suất 0,56%/ngày (tức là 16,67%/tháng và 200%/năm), cao hơn mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự 10 lần. T thu lợi 550.000 đồng gồm: tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm là 55.000 đồng, tiền lãi vượt mức lãi suất 20%/năm là 495.000 đồng.

18. Huỳnh ThAnh T2: Vay 06 lần, tổng số tiền vay 130.000.000 đồng, mỗi lần vay từ 10.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng, lãi suất từ 0,33%/ngày đến 0,5%/ngày (tức là từ 10%/tháng đến 15%/tháng và từ 120%/năm đến 180%/năm), cao hơn mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự từ 06 lần đến 09 lần. T thu lợi 28.500.000 đồng gồm: tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm là 3.500.000 đồng, tiền lãi vượt mức lãi suất 20%/năm là 25.000.000 đồng.

19. Nguyễn Hữu T3: Vay 08 lần, tổng số tiền vay 44.000.000 đồng, mỗi lần vay từ 2.000.000 đồng đến 12.000.000 đồng, lãi suất từ 0,5%/ngày đến 01%/ngày (tức là từ 15%/tháng đến 30%/tháng và từ 180%/năm đến 360%/năm), cao hơn mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự từ 09 lần đến 18 lần. T thu lợi 12.760.000 đồng gồm: tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm là 857.778 đồng, tiền lãi vượt mức lãi suất 20%/năm là 11.902.222 đồng.

20. Trần Thị ThAnh C1: Vay 29 lần, tổng số tiền vay 580.000.000 đồng, mỗi lần vay 20.000.000 đồng, lãi suất từ 0,33%/ngày đến 01%/ngày (tức là từ 10%/tháng đến 30%/tháng và từ 120%/năm đến 360%/năm), cao hơn mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự từ 06 lần đến 18 lần. T thu lợi 72.233.333 đồng gồm: tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm là 10.288.889 đồng, tiền lãi vượt mức lãi suất 20%/năm là 61.944.444 đồng.

21. Nguyễn Thiện Ph: Vay 03 lần, tổng số tiền vay 15.000.000 đồng, mỗi lần vay 5.000.000 đồng, lãi suất từ 0,5%/ngày đến 01%/ngày (tức là từ 15%/tháng đến 30%/tháng và từ 180%/năm đến 360%/năm), cao hơn mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự từ 09 lần đến 18 lần. T thu lợi 1.600.000 đồng, gồm: tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm là 138.889 đồng, tiền lãi vượt mức lãi suất 20%/năm là 1.461.111 đồng.

22. Duy Thị Kim Q: Vay 27 lần, tổng số tiền vay 297.800.000 đồng, mỗi lần vay từ 3.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng, lãi suất từ 0,33%/ngày đến 1,01%/ngày (tức là từ 10%/tháng đến 30,3%/tháng và từ 120%/năm đến 363,6%/năm), cao hơn mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự từ 06 lần đến 18 lần. T thu lợi 50.000.000 đồng gồm: tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm là 5.543.667 đồng, tiền lãi vượt mức lãi suất 20%/năm là 44.456.333 đồng.

23. Lữ Thị Tuyết L3: Vay 02 lần, tổng số tiền vay 10.000.000 đồng, mỗi lần vay 5.000.000 đồng, lãi suất 0,5%/ngày (tức là 15%/tháng và 180%/năm), cao hơn mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự 09 lần. T thu lợi 2.000.000 đồng gồm: tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm là 222.222 đồng, tiền lãi vượt mức lãi suất 20%/năm là 1.177.778 đồng.

24. Hồng Ánh Ng: Vay 23 lần, tổng số tiền vay 220.000.000 đồng, mỗi lần vay từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng, lãi suất từ 0,33%/ngày đến 01%/ngày (tức là từ 10%/tháng đến 30%/tháng và từ 120%/năm đến 360%/năm), cao hơn mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự từ 06 lần đến 18 lần. T thu lợi 30.741.667 đồng gồm: tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm là 3.397.222 đồng, tiền lãi vượt mức lãi suất 20%/năm là 27.344.444 đồng.

25. Nguyễn Thị Mỹ Ch: Vay 22 lần, tổng số tiền vay 256.000.000 đồng, mỗi lần vay từ 4.000.000 đồng đến 12.000.000 đồng, lãi suất từ 0,5%/ngày đến 01%/ngày (tức là từ 15%/tháng đến 30%/tháng và từ 180%/năm đến 360%/năm), cao hơn mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự từ 09 lần đến 18 lần. T thu lợi 39.360.000 đồng gồm: tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm là 3.573.333 đồng, tiền lãi vượt mức lãi suất 20%/năm là 35.786.667 đồng.

26. Thái H6: Vay 01 lần với số tiền 3.000.000 đồng, lãi suất 0,5%/ngày (tức là 15%/tháng và 180%/năm), cao hơn mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự 09 lần. T thu lợi 600.000 đồng gồm: tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm là 66.667 đồng, tiền lãi vượt mức lãi suất 20%/năm là 533.333 đồng.

27. Trần Song T4: Vay 01 lần với số tiền 5.000.000 đồng, lãi suất 01%/ngày (tức là 30%/tháng và 360%/năm), cao hơn mức lãi suất cao nhất quy

định trong Bộ luật Dân sự 18 lần. T thu lợi 6.150.000 đồng gồm: tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm là 341.667 đồng, tiền lãi vượt mức lãi suất 20%/năm là 5.808.333 đồng.

28. Nguyễn Văn X: Vay 08 lần, tổng số tiền vay 620.000.000 đồng, mỗi lần vay từ 50.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, lãi suất từ 0,33%/ngày đến 01%/ngày (tức là từ 10%/tháng đến 30%/tháng và từ 120%/năm đến 360%/năm), cao hơn mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự từ 06 lần đến 18 lần. T thu lợi 114.533.333 đồng gồm: tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm là 12.844.444 đồng, tiền lãi vượt mức lãi suất 20%/năm là 101.688.889 đồng.

29. PhA Thị Mộng Kh: Vay 07 lần, tổng số tiền vay 60.000.000 đồng, mỗi lần vay từ 2.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng, lãi suất từ 0,5%/ngày đến 01%/ngày (tức là từ 15%/tháng đến 30%/tháng và từ 180%/năm đến 360%/năm), cao hơn mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự từ 09 lần đến 18 lần. T thu lợi 8.103.333 đồng gồm: tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm là 658.333 đồng, tiền lãi vượt mức lãi suất 20%/năm là 7.445.000 đồng.

30. Trần Phi H6: Vay 05 lần, tổng số tiền vay 70.000.000 đồng, mỗi lần vay từ 10.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng, lãi suất từ 0,33%/ngày đến 01%/ngày (tức là từ 10%/tháng đến 30%/tháng và từ 120%/năm đến 360%/năm), cao hơn mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự từ 06 lần đến 18 lần. T thu lợi 26.400.000 đồng gồm: tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm là 2.083.333 đồng, tiền lãi vượt mức lãi suất 20%/năm là 24.316.667 đồng.

31. Lê Hoàng Nh: Vay 02 lần, tổng số tiền vay 15.000.000 đồng, mỗi lần vay từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng, lãi suất từ 0,5%/ngày đến 01%/ngày (tức là từ 15%/tháng đến 30%/tháng và từ 180%/năm đến 360%/năm), cao hơn mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự từ 09 lần đến 18 lần. T thu lợi 2.325.000 đồng gồm: tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm là 175.000 đồng, tiền lãi vượt mức lãi suất 20%/năm là 2.150.000 đồng.

32. Nguyễn ThAnh Ph: Vay 04 lần, tổng số tiền vay 20.000.000 đồng, mỗi lần vay 5.000.000 đồng, lãi suất 0,67%/ngày (tức là 20%/tháng và 240%/năm), cao hơn mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự 12 lần. T thu lợi 3.400.000 đồng gồm: tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm là 283.333 đồng, tiền lãi vượt mức lãi suất 20%/năm là 3.116.667 đồng.

33. Nguyễn Cà B: Vay 01 lần với số tiền 10.000.000 đồng, lãi suất 0,33%/ngày (tức là 10%/tháng và 120%/năm), cao hơn mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự 06 lần. T thu lợi 2.000.000 đồng gồm: tiền lãi

tương ứng với mức lãi suất 20%/năm là 333.333 đồng, tiền lãi vượt mức lãi suất 20%/năm là 1.666.667 đồng.

34. Huỳnh ThAnh Ph: Vay 01 lần với số tiền 20.000.000 đồng, lãi suất 01%/ngày (tức là 30%/tháng và 360%/năm), cao hơn mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự 18 lần. T thu lợi 3.000.000 đồng gồm: tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm là 166.667 đồng, tiền lãi vượt mức lãi suất 20%/năm là 2.833.333 đồng.

35. Nguyễn Tam T7: Vay 01 lần, tổng số tiền vay 50.000.000 đồng, lãi suất 01%/ngày (tức 30%/tháng và 360%/năm), cao hơn mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự 18 lần. T thu lợi 16.000.000 đồng gồm: tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm là 888.889 đồng, tiền lãi vượt mức lãi suất 20%/năm là 15.111.111 đồng.

Ngày 11/6/2021, Võ ThAnh T và Nguyễn Hữu ThAnh A bị khởi tố, điều tra.

*TAg vật chứng và giấy tờ, tài liệu thu giữ trong vụ án gồm:*

- Tiền mặt 217.000.000 đồng (gồm 200.000.000 đồng thu giữ quan khám xét tại nhà Võ ThAnh T và 17.000.000 đồng thu giữ quan việc bắt quả tAg Nguyễn Hữu ThAnh A); 01 (Một) Lệnh chuyển số 21076110300002561, ngày 30/8/2021 của Kho bạc Nhà nước huyện CP, tỉnh AnG. Nội dung: CK TIEN THEO CV SO 1096/PC02 27/8/2021 CUA PCSHS CHO CA CHAU PHU AG, số tiền chuyển là 217.000.000 đồng;

- 17 (Mười bảy) quyền tập học sinh có chữ ký của Võ ThAnh T; 02 (Hai) quyền tập học sinh có chữ ký của Nguyễn Hữu ThAnh A;

- 02 (Hai) cây dao bằng kim loại thu giữ quan khám xét tại nhà Võ ThAnh T; 02 (Hai) cây dao tự chế bằng kim loại thu giữ quan việc bắt quả tAg Nguyễn Hữu ThAnh A; 03 (Ba) điện thoại di động; 01 (Một) xe mô tô biển số 67D2-103.45;

- 01 (Một) bản phô tô giấy nhận nợ đề tên Đỗ Chí Trung, ngày 06/9/2008; 01 (Một) bản phô tô giấy trả tiền đề tên Đỗ Chí Trung, ngày 05/01/2020; 01 (Một) bản phô tô giấy có nội dung gồm nhiều chữ và số, phía trên ghi chữ “NGỌC + HÀ”;

- 02 (Hai) giấy Chứng minh nhân dân tên Nguyễn Hữu ThAnh A; 01 (Một) giấy phép lái xe hạng C và 01 (Một) giấy phép lái xe hạng A1 tên Nguyễn Hữu ThAnh A.

*Trong quá trình điều tra và truy tố, các bị cáo đã khai nhận như sau:*

*Bị cáo Võ ThAnh T khai phù hợp với nội dung vụ án. Ngoài ra bị cáo T còn trình bày: Số tiền T dùng để cho vay là tiền T tích lũy có được khi buôn bán*

thức ăn và chạy xe ôm ở Bình Dương, bán đầu và xương cá ba sa mua từ Công ty đông lạnh AFIEEX từ khoảng 10 năm trước. Số tiền thu lợi được từ việc cho vay T dùng để chi sinh hoạt cho gia đình và quyên góp một phần cho việc từ thiện. Số tiền thu lợi còn lại hơn 50.000.000 đồng. Khoảng 11 giờ ngày 02/6/2021, T đã cho Nguyễn Thị Hà L vay hết số tiền này.

Mười bảy quyển tập học sinh có chữ ký của T là sổ T ghi lại việc cho vay khoảng 10 năm trước ở tỉnh Bình Dương, hoặc sAg tên người nợ từ sổ của A để dễ nhớ. Ngoài ra còn ghi nội dung khác, nhưng không liên quan đến việc cho vay tiền. Hai cây dao thu tại nhà T là do T thấy đẹp nên mua về trưng cho đẹp. Điện thoại di động Iphone của T sử dụng cho mục đích cá nhân, ít sử dụng vào việc cho vay tiền. Số tiền mặt 200.000.000 đồng Công an khám xét thu tại nhà T là tiền của vợ T tên Trần Thị Kim Đ để trong cặp, trong tủ quần áo đặt tại phòng ngủ của vợ chồng T. Tổng cộng tiền T đã trả cho ThAnh A để ThAnh A giúp trong việc cho vay và thu tiền góp từ tháng 9/2020 đến khi T bị bắt là 57.000.000 đồng.

T có cho 35 người vay tiền, đã có đối chiếu, T thống nhất với các khoản vay và ký tên vào bảng đối chiếu. Đối với Phen ở Hòa Lạc (Huỳnh ThAnh Ph), T có cho Phen vay 01 khoản tiền đứng 20.000.000 đồng, Phen không đóng lãi thường xuyên cho T, Phen chỉ trả cho T được 15 ngày lãi và 5.000.000 đồng tiền gốc. Đối với Móm (Trịnh Châu Tuấn), T không nhớ là có cho người này vay tiền. Đối với Tân công ty (Nguyễn Tam T7), T cho Tân vay 01 khoản vay 20.000.000 đồng tiền đứng, Tân đóng lãi cho T được 30 ngày thì vay thêm 30.000.000 đồng tiền đứng, Tân tiếp tục đóng lãi được 20 ngày thì tiếp tục vay thêm 50.000.000 đồng tiền đứng, nhưng sau đó thì Tân không đóng lãi cho T nữa. Tân đã trả tiền gốc cho T được 16.000.000 đồng.

*Bị cáo Nguyễn Hữu ThAnh A khai phù hợp với nội dung vụ án. Ngoài ra bị cáo A còn trình bày: A giúp việc cho T vào tháng 9/2020, mỗi tháng T trả cho A từ 6.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng. Công việc của A là đi thu tiền góp hàng ngày vào khoảng 17 giờ đến 18 giờ, A thu tiền của người nào thì ghi vào sổ rồi về báo lại và giao tiền cho T. Khi nào có người muốn vay tiền thì T kêu A đi lại chỗ của người muốn vay, coi họ làm nghề gì, ở đâu rồi báo lại cho T, T mới là người quyết định việc có cho vay hay không. Nếu T đồng ý thì đưa tiền cho A rồi A đưa cho người vay. Trong thời gian A phụ giúp T trong việc cho vay và thu tiền góp thì A sử dụng hai quyển tập học sinh của A để ghi lại những người thiếu nợ của T để đi góp hàng ngày. Trong sổ này, A ghi ngày góp tiền ở phía trên, phía dưới A ghi tên người góp và số tiền góp trong ngày của người đó. Người nào không góp thì không ghi số tiền hoặc ghi chữ “Mai<sup>2</sup>” ý nghĩa là hôm sau góp 02 ngày, ghi chữ “Mai<sup>3</sup>” là hôm sau góp 03 ngày, nếu không góp 03 ngày mà trả được một ngày thì ghi chữ “Nợ<sup>2</sup>”, ai trả dứt thì ghi “R”. Số tiền mặt 17.000.000 đồng Công an thu trên người A gồm: 5.000.000 đồng tiền góp LA*

vừa góp cho A, 10.000.000 đồng là tiền mẹ A tên Ngô Thị Hương đưa cho A đem đi trả cho người bán cám, thức ăn cho cá tên Quách Thị Phụng và 2.000.000 đồng là tiền của A, tiền này là tiền công T trả cho A khi A đi thu tiền góp giúp T. Tổng số tiền T trả công cho A khi A giúp T cho vay và thu tiền là 57.000.000 đồng.

*Đối với những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là những người có vay tiền của T, bao gồm:* Nguyễn Thị Hà L, Trần Thị Kim M, Mai Hồng D1, Nguyễn Thị Mỹ H, Lê Thị Ngọc H1, Lương Thị Tuyết M1, Trịnh Thị Anh Đ, Bùi Thanh Đ2, Đặng Văn S, Trà Phước Đ3, Lê Thị Bé H3, Trương Thị H4, Nguyễn Thị Cúc H5, Huỳnh Hữu Đ4, Nguyễn Ngọc Phượng L2, Võ Thị Thu Th, Quách Văn N2, Huỳnh Thanh T2, Nguyễn Hữu T3, Nguyễn Hữu T3, Nguyễn Thiện Ph, Duy Thị Kim Q, Lữ Thị Tuyết L3, Hồng Ánh Ng, Nguyễn Thị Mỹ Ch, Thái H6, Trần Song T4, Nguyễn Văn X, Phan Thị Mộng Kh, Trần Phi H6, Lê Hoàng Nh, Nguyễn Thanh Ph, Nguyễn Cà B, Huỳnh Thanh Ph, Nguyễn Tam T7 trình bày phù hợp với nội dung vụ án.

Hiện những người vay còn nợ tiền vốn của bị cáo T như sau: Nguyễn Thị Hà L 295.833.333 đồng, Trần Thị Kim M 40.500.000 đồng, Mai Hồng D1 12.125.000 đồng, Nguyễn Thị Mỹ H 7.750.000, Lê Thị Ngọc H1 3.000.000 đồng, Lương Thị Tuyết M1 88.333.333 đồng, Trịnh Thị Anh Đ 3.000.000 đồng, Bùi Thanh Đ2 61.666.667 đồng, Đặng Văn S 3.333.333 đồng, Trà Phước Đ3 2.250.000 đồng, Lê Thị Bé H3 5.850.000 đồng, Trương Thị H4 12.750.000 đồng, Nguyễn Thị Cúc H5 21.500.000 đồng, Huỳnh Hữu Đ4 13.375.000 đồng, Nguyễn Ngọc Phượng L2 4.625.000 đồng, Võ Thị Thu Th 12.250.000 đồng, Quách Văn N2 250.000 đồng, Huỳnh Thanh T2 50.000.000 đồng, Nguyễn Hữu T3 15.750.000 đồng, Trần Thị Thanh C1 31.333.333 đồng, Nguyễn Thiện Ph 9.250.000 đồng, Duy Thị Kim Q 44.466.667 đồng, Hồng Ánh Ng 35.000.000 đồng, Nguyễn Thị Mỹ Ch 11.200.000 đồng, Trần Song T4 5.000.000 đồng, Nguyễn Văn X 99.500.000 đồng, Phan Thị Mộng Kh 10.916.667 đồng, Trần Phi H6 45.000.000 đồng, Lê Hoàng Nh 10.875.000 đồng, Huỳnh Thanh Ph 20.000.000 đồng, Nguyễn Tam T7 50.000.000 đồng. Tổng cộng là 1.026.683.333 đồng.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần Văn Ph2 trình bày:* Phát là cha ruột của Trần Thị Kim Đ, Đinh là vợ của Võ Thanh T. Phát có gởi 100.000.000 đồng cho Đinh vào khoảng tháng 11/2020 âm lịch; Phát đem tiền lại nhà và đưa cho Đinh giữ, lúc đó chỉ có Phát và Đinh, không có ai chứng kiến. Số tiền này Phát kiếm được từ việc làm ruộng và thu tiền bơm nước vào ruộng ở xã DUY THỊ KIM Q. Phát yêu cầu được nhận lại số tiền 100.000.000 đồng của Phát để dưỡng già.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần Thị Kim Đ trình bày:* Số tiền 200.000.000 đồng bị Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh An Giang khám xét thu giữ. Trong đó có 100.000.000 đồng là của Phát gửi cho Đính vào tháng 11/2020, nhờ cất giữ dùm; còn 100.000.000 đồng là của Đính dành dùm có được, không liên quan đến việc bị cáo T cho vay tiền. Đính yêu cầu được nhận lại 100.000.000 đồng.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngô Thị ThAnh H8 trình bày:* Hương là mẹ ruột của Nguyễn Hữu Thanh A. Năm ngày trước khi A bị bắt, Hương có bán 01 con bò với giá tiền 25.000.000 đồng. Vào buổi sáng trước khi ThAnh A bị bắt, Hương đưa cho ThAnh A 10.000.000 đồng tại nhà của Hương mục đích để ThAnh A lại nhà chị Quách Thị Phụng trả tiền cám, thức ăn cho cá mà Hương còn nợ của chị Phụng. Hương yêu cầu được nhận lại số tiền 10.000.000 đồng mà Hương đã đưa cho Thanh A, để Hương trả nợ cho chị Phụng.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Hữu ThAnh Ph3 trình bày:* Phú là em ruột của Nguyễn Hữu ThAnh A. Phú sống bằng nghề làm thuê cho lò ấp vịt tại địa phương. Xe mô tô hai bánh biển số 67D2-103.45 là xe Phú mua trả góp vào tháng 3/2021, tại cửa hàng xe ở thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang. Phú cho A mượn xe biển số 67D2-103.45 để đi lại hàng ngày. Phú không biết việc A sử dụng xe của Phú để đi thu tiền góp cho ông T. Phú chỉ biết A làm nghề tài xế lái xe mướn, chứ không biết A đi thu tiền góp cho ông T. Phú yêu cầu được nhận lại xe.

*Những người làm chứng Quách Thị Phụng, Nguyễn Thị Ngọc Th2 trình bày:* Phù hợp với nội dung vụ án.

*Tại bản Cáo trạng số: 65/CT-VKSCP ngày 27 tháng 10 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú đã truy tố ra trước Tòa án nhân dân huyện Châu Phú để xét xử các bị cáo Võ ThAnh T và Nguyễn Hữu ThAnh A về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự.*

*Tại phiên tòa:*

*Bị cáo Võ ThAnh T khai nhận phù hợp với lời khai của bị cáo T trong giai đoạn điều tra, truy tố; bị cáo khai không bị ép cung, nhục hình. Bị cáo thừa nhận nội dung bản Cáo trạng truy tố đối với bị cáo là đúng, bị cáo nhận tội, không tranh luận, xin giảm nhẹ hình phạt. Riêng đối với người vay tên Trương Thị H4, trước đây T có ký đối chiếu nợ với Hiện, nhưng tiền lãi trong bảng đối chiếu nợ với Hiện là cao so với thực tế; T không xác định được tổng tiền lãi đã thu của Hiện là bao nhiêu do thời gian đã lâu và không có sổ sách. Đối với người vay Nguyễn Thị Hà L, bị cáo T thừa nhận các khoản vay và tính lãi theo Bảng đối chiếu nợ lập tại cơ quan điều tra; T không thống nhất với các khoản vay mà Bà*

Lan đã kê khai vượt quá tại phiên tòa. Về nguồn tiền bị cáo T chi tiêu trong cuộc sống hằng ngày là từ nguồn tiền có sẵn do dành dụm trước đây và một phần tiền lãi từ việc cho vay; chứ không phải lấy tiền lãi từ việc cho vay làm nguồn sống chính. Hiện bị cáo T đang điều trị bệnh tiểu đường; bị cáo có thực hiện hoạt động từ thiện tại phương; những người vay tiền của bị cáo là do tự nguyện chứ không ai ép buộc. Việc bị cáo cho vay tiền không liên quan đến vợ là Trần Thị Kim Đ. Trước đây bị cáo hiểu biết pháp luật còn hạn chế; kể từ khi bị bắt bị cáo mới biết việc cho vay lãi nặng là vi phạm pháp luật. Lời nói sau cùng, bị cáo T nhận thấy ăn năn hối cải, xin giảm nhẹ hình phạt và cho hưởng án treo. Đối với 02 con dao bằng kim loại đã thu giữ của bị cáo thì không yêu cầu nhận lại.

*Bị cáo Nguyễn Hữu Thanh A* khai nhận phù hợp với lời khai của bị cáo A trong giai đoạn điều tra, truy tố; bị cáo khai không bị ép cung, nhục hình. Bị cáo thừa nhận nội dung bản Cáo trạng truy tố đối với bị cáo là đúng, bị cáo nhận tội, không tranh luận, xin giảm nhẹ hình phạt. Ngoài ra, bị cáo A khai quá trình bị cáo T cho vay và việc đi thu tiền vay không có sử dụng bạo lực, hành hung hay đe dọa đối với những người vay. Đối với bà Trần Thị Kim Đ (vợ bị cáo T) không có liên quan gì đến việc bị cáo T cho vay tiền. A chỉ giúp việc cho T chứ không liên quan gì đến bà Kim Đ. Bị cáo sử dụng nhiều nguồn tiền trong chi tiêu cuộc sống hằng ngày; chứ không phải chỉ lấy tiền công T trả từ việc cho vay làm nguồn sống chính. Lời nói sau cùng, bị cáo A nhận thấy ăn năn hối cải, xin giảm nhẹ hình phạt và cho hưởng án treo. Đối với 02 con dao tự chế bằng kim loại đã thu giữ của bị cáo thì không yêu cầu nhận lại.

*Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bao gồm: Nguyễn Thị Mỹ H, Trà Phước Đ3, Võ Thị Thu Th, Nguyễn Hữu T3, Hồng Ánh Ng* trình bày phù hợp với lời khai của mình trong giai đoạn điều tra, truy tố; thống nhất với bảng đối chiếu nợ vay với bị cáo T tại cơ quan điều tra. Về tiền vốn vay còn nợ và tiền lãi đã trả thì thống nhất giải quyết theo quy định pháp luật. Nay xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo T và bị cáo A.

*Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bao gồm: Ngô Thị Thanh H8, Nguyễn Hữu Thanh Ph3, Trần Thị Kim Đ* trình bày phù hợp với lời khai của mình trong giai đoạn điều tra, truy tố; đều có ý kiến xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo T và bị cáo A; yêu cầu được nhận lại tài sản đã bị thu giữ.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Hà L và Luật sư Ngô Văn S* trình bày:

Bà Lan bắt đầu vay của bị cáo T khoảng tháng 4/2018, mục đích vay để chi tiêu trong sinh hoạt và lo cho con đi học đại học. Vay tổng cộng 29 lần với số tiền 1,4 tỷ đồng, trong đó vay hình thức trả góp 28 lần với số tiền vốn 1,3 tỷ đồng; vay hình thức tiền đúng 01 lần với số tiền 100 triệu đồng. Từng lần vay đều đã góp và đóng lãi với tổng số tiền 2.397.000.000 đồng, trong đó lãi theo

quy định pháp luật (20%/năm) là 36.711.089 đồng và lãi vượt quá lãi theo quy định pháp luật (20%/năm) là 2.360.288.911 đồng. Hiện chỉ còn nợ bị cáo T số tiền vốn vay 155.000.000 đồng. Nay yêu cầu Hội đồng xét xử trừ ra tiền vốn 155.000.000 đồng và buộc bị cáo T trả lại cho Bà Lan 2.205.288.911 đồng.

Đối với số tiền 5.000.000 đồng cơ quan điều tra đã thu giữ trong số tiền 17 triệu đồng từ bị cáo A, đề nghị trả lại cho Bà Lan. Ngoài ra, sau khi Bà Lan tố cáo vụ việc đến Công an tỉnh Ann Giang thì Bà Lan liên tục bị nhấn tin đe dọa trên mạng xã hội.

Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét ông Trần Văn Ph2 và bà Trần Thị Kim Đ cũng là đồng phạm trong vụ án, với vai trò người giúp sức, liên quan số tiền 200 triệu đồng. Đề nghị áp dụng thêm tình tiết tăng nặng phạm tội có tính chất chuyên nghiệp đối với bị cáo T và bị cáo A; áp dụng mức hình phạt cao nhất trong khung hình phạt đối với các bị cáo.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú thực hiện quyền công tố tại phiên tòa*, giữ nguyên quyết định như Cáo trạng đã truy tố; riêng có trình bày bổ sung việc không áp dụng tình tiết giảm nhẹ phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo T và bị cáo A. Sau khi phân tích tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân các bị cáo, Viện kiểm sát đề nghị:

- Về trách nhiệm hình sự:

+ Áp dụng khoản 2 Điều 201; Điều 17; Điều 38; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58 Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo Võ Thanh T từ 01 (Một) năm đến 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù; không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo T.

+ Áp dụng khoản 2 Điều 201; Điều 17; Điều 38; điểm s, điểm t khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58 Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu Thanh A từ 09 (Chín) tháng đến 01 (Một) năm tù; không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo A.

+ Hình phạt bổ sung: Đề nghị không áp dụng đối với các bị cáo.

- Về biện pháp tư pháp, đề nghị áp dụng Điều 46, Điều 47, Điều 48 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, xử lý như sau:

+ Buộc bị cáo Võ Thanh T phải nộp vào ngân sách Nhà nước số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm mà bị cáo nhận từ những người vay, tổng cộng là **87.735.333 đồng**.

+ Buộc bị cáo Võ Thanh T trả lại cho những người vay số tiền lãi vượt quá mức lãi suất 20%/năm mà bị cáo nhận từ những người vay, cụ thể: Trả cho

Nguyễn Thị Hà L 101.833.333 đồng; Trần Thị Kim M 16.750.000 đồng; Mai Hồng D1 6.522.222 đồng, Nguyễn Thị Mỹ H 5.066.667 đồng, Lê Thị Ngọc H1 2.133.333 đồng, Lương Thị Tuyết M1 27.027.778 đồng, Trịnh Thị Anh Đ 1.244.444 đồng, Bùi ThAnh Đ2 24.477.778 đồng, Đặng Văn S 1.344.444 đồng, Trà Phước Đ3 1.215.000 đồng, Lê Thị Bé H3 18.142.222 đồng, Trương Thị H4 115.017.000 đồng, Nguyễn Thị Cúc H5 24.477.778 đồng, Huỳnh Hữu Đ4 18.150.000 đồng, Nguyễn Ngọc Phượng L2 1.433.333 đồng, Võ Thị Thu Th 30.376.000 đồng, Quách Văn N2 495.000 đồng, Huỳnh ThAnh T2 25.000.000 đồng, Nguyễn Hữu T3 11.902.222 đồng, Trần Thị ThAnh C1 61.944.444 đồng, Nguyễn Thiện Ph 1.461.111 đồng, Duy Thị Kim Q 44.456.333 đồng, Lữ Thị Tuyết L3 1.177.778 đồng, Hồng Ánh Ng 27.344.444 đồng, Nguyễn Thị Mỹ Ch 35.786.667 đồng, Thái H6 533.333 đồng, Trần Song T4 5.808.333 đồng, Nguyễn Văn X 101.688.889 đồng, PhA Thị Mộng Kh 7.455.000 đồng, Trần Phi H6 24.316.667 đồng, Lê Hoàng Nh 2.150.000 đồng, Nguyễn ThAnh Ph 3.116.667 đồng, Nguyễn Cà B 1.666.667 đồng, Huỳnh ThAnh Ph 2.833.333 đồng, Nguyễn Tam T7 15.111.111 đồng. Tổng cộng là **768.383.000 đồng**.

+ Buộc những người vay nộp vào ngân sách Nhà nước số tiền vốn vay còn nợ của bị cáo Võ ThAnh T, cụ thể nộp vào ngân sách Nhà nước như sau: Nguyễn Thị Hà L 295.833.333 đồng, Trần Thị Kim M 40.500.000 đồng, Mai Hồng D1 12.125.000 đồng, Nguyễn Thị Mỹ H 7.750.000, Lê Thị Ngọc H1 3.000.000 đồng, Lương Thị Tuyết M1 88.333.333 đồng, Trịnh Thị Anh Đ 3.000.000 đồng, Bùi ThAnh Đ2 61.666.667 đồng, Đặng Văn S 3.333.333 đồng, Trà Phước Đ3 2.250.000 đồng, Lê Thị Bé H3 5.850.000 đồng, Trương Thị H4 12.750.000 đồng, Nguyễn Thị Cúc H5 21.500.000 đồng, Huỳnh Hữu Đ4 13.375.000 đồng, Nguyễn Ngọc Phượng L2 4.625.000 đồng, Võ Thị Thu Th 12.250.000 đồng, Quách Văn N2 250.000 đồng, Huỳnh ThAnh T2 50.000.000 đồng, Nguyễn Hữu T3 15.750.000 đồng, Trần Thị ThAnh C1 31.333.333 đồng, Nguyễn Thiện Ph 9.250.000 đồng, Duy Thị Kim Q 44.466.667 đồng, Hồng Ánh Ng 35.000.000 đồng, Nguyễn Thị Mỹ Ch 11.200.000 đồng, Trần Song T4 5.000.000 đồng, Nguyễn Văn X 99.500.000 đồng, PhA Thị Mộng Kh 10.916.667 đồng, Trần Phi H6 45.000.000 đồng, Lê Hoàng Nh 10.875.000 đồng, Huỳnh ThAnh Ph 20.000.000 đồng, Nguyễn Tam T7 50.000.000 đồng. Tổng cộng là **1.026.683.333 đồng**.

+ Buộc bị cáo Võ ThAnh T phải nộp vào ngân sách Nhà nước số tiền vốn đã cho vay 4.928.800.000 đồng, được trừ đi số tiền người vay còn nợ nộp vào ngân sách Nhà nước 1.026.683.333 đồng. Như vậy, bị cáo T phải nộp lại số tiền vốn vay đã thu hồi được của người vay là **3.902.116.667 đồng**.

Về xử lý vật chứng:

+ Tịch thu tiêu hủy: 04 (Bốn) cây dao tự chế bằng kim loại do không còn giá trị sử dụng, các bị cáo không yêu cầu nhận lại.

+ Trả lại cho Trần Văn Ph2 số tiền 100.000.000 đồng; trả lại cho Trần Thị Kim Đ số tiền 100.000.000 đồng; trả lại cho Ngô Thị Hương số tiền 10.000.000 đồng do không liên quan đến hành vi phạm tội;

+ Trả lại cho Nguyễn Hữu Thanh A số tiền 2.000.000 đồng, 01 (Một) điện thoại di động hiệu Iphone XS Max, 01 (Một) giấy chứng minh nhân dân số 351672708, 01 (Một) giấy chứng minh nhân dân tên Nguyễn Hữu Thanh A, 01 (Một) giấy phép lái xe Hạng C và 01 (Một) giấy phép lái xe Hạng A1 mang tên Nguyễn Hữu Thanh A.

+ Trả lại cho Nguyễn Hữu Thanh Ph3 01 (Một) xe mô tô biển số 67D2-103.45, do Phú không biết A sử dụng làm phương tiện phạm tội.

+ Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước đối với: Số tiền 5.000.000 đồng A đã thu tiền lãi của Nguyễn Thị Hà L, 01 (Một) điện thoại di động hiệu Iphone 11 pro max; 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia.

+ Tiếp tục lưu vào hồ sơ vụ án: 17 (Mười bảy) quyển tập học sinh có chữ ký của Võ Thanh T; 02 quyển tập học sinh có chữ ký của Nguyễn Hữu Thanh A; 01 bản phô tô giấy nhận nợ đề tên Đỗ Chí Trung, ngày 06/9/2008; 01 bản phô tô giấy trả tiền đề tên Đỗ Chí Trung, ngày 05/01/2020; 01 bản phô tô giấy có nội dung gồm nhiều chữ và số, phía trên ghi chữ “NGỌC + HÀ”; 01 Lệnh chuyển số 21076110300002561, ngày 30/8/2021 của Kho bạc Nhà nước huyện CP, tỉnh AnG. Nội dung: CK TIEN THEO CV SO 1096/PC02 27/8/2021 CUA PCSHS CHO CA CHAU PHU AG, số tiền chuyển 217.000.000 đồng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được trẢnh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về Quyết định, hành vi tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng: Trong giai đoạn điều tra và truy tố, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh An Giang và Công an huyện Châu Phú, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang, Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện hợp pháp.

[1.2] Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng: Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa, nhưng đã có lời khai ở Cơ quan điều tra, các lời khai phù hợp với nội dung vụ án, nên việc vắng mặt của những người này không làm ảnh hưởng đến việc xét xử. Căn cứ Điều 292, Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về trách nhiệm hình sự:

[2.1] Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo Võ ThAnh T và Nguyễn Hữu ThAnh A thừa nhận hành vi phạm tội. Lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát; phù hợp với các lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và những người làm chứng; phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án như: Biên bản bắt người phạm tội quả tAg ngày 02/6/2021 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh An Giang; các bảng đối chiếu nợ vay giữa bị cáo Võ ThAnh T và 35 người vay và các tài liệu, sổ, giấy tờ, vật chứng đã thu giữ được trong vụ án.

Đối với lời khai của bị cáo T về việc tính toán tiền lãi của người vay tên Trương Thị H4 có cao so với thực tế. Tuy nhiên, bị cáo T thừa nhận việc đã ký tên, đối chiếu nợ vay tại cơ quan điều tra; việc đối chiếu của bị cáo T là tự nguyện và phù hợp với lời khai của bà Hiện; bản thân bị cáo T tại phiên tòa cũng không nhớ tiền lãi đối với bà Hiện là bao nhiêu. Do đó, lời khai của bị cáo T về vấn đề này không có cơ sở xem xét.

Đối với lời khai của bà Nguyễn Thị Hà L và Luật sư Ngô Văn S về việc vay tiền giữa Bà Lan và bị cáo T. Xét thấy, lời khai của Bà Lan không được bị cáo T thừa nhận; ngoài lời khai thì Bà Lan không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào khác. Trong quá trình điều tra, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh An Giang đã lấy lời khai của Bà Lan và tiến hành đối chiếu nợ vay giữa Bà Lan với bị cáo T; việc đối chiếu giữa Bà Lan với bị cáo T là hoàn toàn tự nguyện. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh An Giang cũng đã có xem xét, ghi nhận lời khai và đối chiếu với các sổ sách thu giữ được của bị cáo T và bị cáo A. Do đó, lời khai của Bà Lan và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Bà Lan tại phiên tòa không có cơ sở để xem xét.

[2.2] Như vậy có đủ cơ sở xác định: Trong khoảng thời giA từ năm 2018 đến tháng 6/2021, Võ ThAnh T và Nguyễn Hữu ThAnh A đã có hành vi cho 35 người vay tiền, với tổng số tiền vốn là **4.928.800.000 đồng** (bao gồm 4.340.000.000 đồng tiền góp và 588.800.000 đồng tiền đứng), lãi suất từ 0,33%/ngày đến 1,11%/ngày (tương đương 10%/tháng đến 33,33%/tháng và từ 120%/năm đến 400%/năm), cao hơn mức lãi suất vay cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự (20%/năm – theo khoản 1 Điều 468) từ 06 lần đến 20 lần. Bị cáo

T thu được tiền lãi tổng cộng là 856.118.333 đồng, bao gồm: tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm là 87.735.333 đồng; tiền lãi vượt mức quá lãi suất 20%/năm (thu lợi bất chính) là **768.383.000 đồng**.

[2.3] Bị cáo T và bị cáo A đều là người có năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Các bị cáo nhận thức được việc cho vay và tính lãi là vượt quá quy định của pháp luật nhưng vì vụ lợi mà cố ý thực hiện tội phạm, nhằm thu lợi bất chính từ việc cho vay. Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của nhà nước về tín dụng, mà cụ thể là trật tự trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ. Do đó, hành vi của bị cáo T và bị cáo A đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú truy tố đối với các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[2.4] Xét về tính chất, mức độ của hành vi phạm tội và nhân thân các bị cáo nhận thấy:

Hiện nay Đảng và Nhà nước ta đang kiên quyết đấu tranh với tội phạm mang tính chất tín dụng đen, trong đó có hoạt động cho vay lãi nặng, với nhiều biện pháp đồng bộ, quyết liệt, mạnh mẽ giúp trấn áp, kiềm chế tội phạm và vi phạm pháp luật liên quan đến lĩnh vực này; nhằm ổn định đối với hoạt động tín dụng, kinh doanh tiền tệ; mở rộng hoạt động tín dụng ngân hàng nhằm hỗ trợ vốn cho một bộ phận người dân đang gặp khó khăn, cần nguồn vốn để phát triển kinh tế gia đình. Vấn đề này thời gian qua cũng được dư luận xã hội hết sức quan tâm.

Bản thân các bị cáo biết việc cho vay lãi nặng là vi phạm pháp luật, bị Nhà nước nghiêm cấm nhưng vì tư lợi cá nhân, muốn thu lợi lớn từ việc cho vay mà các bị cáo đã xem thường pháp luật, vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội và ngày càng mở rộng hoạt động cho vay trên địa bàn. Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, mang tính chất bóc lột, làm cho những người vay tiền lâm vào hoàn cảnh khó khăn, có khả năng làm ảnh hưởng đến uy tín, danh dự của những người vay, những người vay phải tìm nhiều cách để có tiền trả nợ cho các bị cáo; ảnh hưởng đến tình hình An ninh, trật tự tại địa phương.

Xét về nhân thân, bản thân bị cáo T vào ngày 05/5/2021 bị Công an huyện An Phú ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính số tiền 1.500.000 đồng, về hành vi “Đánh bạc – đá gà ăn thua bằng tiền”, đã chấp hành xong quyết định xử phạt, nhưng chưa hết thời hạn được xem là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính. Bản thân bị cáo A từng bị Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xử phạt 03 năm tù, về tội “Cướp tài sản”, chấp hành xong ngày 19/9/2009, đã được xóa án tích; từng bị Ủy ban nhân dân quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ quyết định xử phạt vi phạm hành chính số tiền 35.000.000 đồng, về hành vi “Buôn bán hàng cấm”, đã chấp hành xong quyết định xử phạt, đã hết thời hạn được xem là chưa bị xử phạt

vi phạm hành chính. Mặc dù từng vi phạm pháp luật và bị xử lý nhưng các bị cáo vẫn tham gia vào hoạt động cho vay lãi nặng.

Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng hình phạt tù tương xứng để giáo dục, răn đe đối với các bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội; thể hiện được sự nghiêm minh của pháp luật, góp phần nâng cao hiệu quả trong công tác đấu tranh với loại tội phạm này tại địa phương.

Bị cáo T và bị cáo A phạm tội thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn, trong đó bị cáo T là người dùng nguồn tiền của mình để cho vay, có vai trò chính trong vụ án. Bị cáo A chỉ là người giúp sức bị cáo T trong việc thu tiền nợ vay và hỗ trợ cho bị cáo T khi có người liên hệ vay tiền. Do đó, mức hình phạt áp dụng đối với bị cáo T phải cao hơn đối với bị cáo A.

[2.5] Xét về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nhận thấy:

Các bị cáo đã thực hiện nhiều lần hành vi cho vay lãi nặng (đối với 35 người vay), trong đó có thu lợi bất chính của 07 người vay với số tiền thu lợi của mỗi người vay trên 30 triệu đồng. Do đó, các bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự phạm tội 02 lần trở lên quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Hội đồng xét xử không áp dụng tình tiết phạm tội có tính chất chuyên nghiệp đối với các bị cáo, do chưa đủ cơ sở xác định các bị cáo lấy thu lợi từ việc cho vay làm nguồn sống chính.

Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo T và bị cáo A thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Riêng đối với bị cáo A đã tích cực hợp tác với cơ quan điều tra trong việc điều tra, phát hiện tội phạm. Đối với bị cáo T có đóng góp cho hoạt động xã hội từ thiện tại địa phương; bản thân đang điều trị bệnh tiểu đường. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo T quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo A quy định tại điểm s, điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; từ đó xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt đối với các bị cáo.

Hội đồng xét xử không áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng đối với các bị cáo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[2.6] Đối với lời nói sau cùng, bị cáo T và bị cáo A đề nghị được hưởng án treo. Tuy nhiên, các bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là phạm tội 02 lần trở lên, nên thuộc trường hợp không cho hưởng án treo theo quy định tại khoản 5 Điều 3 của Nghị quyết số: 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận cho các bị cáo được hưởng án treo.

[2.7] Về hình phạt bổ sung: Căn cứ hướng dẫn tại khoản 3 Điều 3 của Nghị quyết số: 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo T, mức phạt tiền bổ sung là 100 triệu đồng. Riêng đối với bị cáo A có hoàn cảnh khó khăn, phạm tội nhưng chỉ có vai trò giúp sức cho bị cáo T nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo A.

[2.8] Đối với Nguyễn Việt Hùng, Đặng Thị Xuân Hương, Thái Trường Dũng, Trần Thị Bé Sáu, Võ Thị Hồng Yến, Lê Thị Ngà, Lê Phước Thành, Lê Thị TrAg, Trịnh Châu Tuấn, Nguyễn Văn Vinh, La Tấn Sơn, Nguyễn Văn Ngoãn, Nguyễn Thị Đen, Nguyễn Thành Khởi, Phước, Nhã, Cường, Chi Á, Liên, Dung, Tuyền, Duy, Long, Hạnh, NgoA, Út, Cu, Thảo, Bảy Bún, TrAg, Lộc On, Phước, Châu Già, Cường, Phát và 04 người khác (không rõ họ tên, địa chỉ), là những người có vay tiền của Võ ThAnh T, Nguyễn Hữu ThAnh A một số đã trả hết nợ vay không đồng ý làm việc, một số hiện không có mặt tại địa phương, không rõ họ tên, địa chỉ và hiện chưa làm việc được, nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Châu Phú tiếp tục xác minh làm rõ, xử lý sau là phù hợp.

[2.9] Đối với Nguyễn Thị Hà L, Võ Thị Thu Th cho rằng ngoài Nguyễn Hữu ThAnh A giúp cho T đi giao và thu tiền còn có Đỗ Văn Tuấn, Đức và Taly (không rõ họ tên, địa chỉ) nhưng hiện chưa làm việc được với những người này và bị cáo T cũng không thừa nhận, nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Châu Phú tiếp tục xác minh làm rõ, xử lý sau là có căn cứ.

### [3] Về biện pháp tư pháp:

[3.1] Đối với số tiền 200.000.000 đồng thu giữ khi khám xét tại nhà của bị cáo T. Quan điều tra xác định số tiền này là của Trần Văn Ph2 (cha vợ T) 100.000.000 đồng và của Trần Thị Kim Đ (vợ T) 100.000.000 đồng. Xét thấy, số tiền này không liên quan đến tội phạm nên cần trả lại cho ông Phát và bà Đính.

[3.2] Đối với số tiền 17.000.000 đồng thu giữ khi bắt quả tAg bị cáo A. Quan điều tra xác định số tiền này gồm có 10.000.000 đồng của Ngô Thị ThAnh H8 (mẹ A), 2.000.000 đồng là tiền cá nhân của bị cáo A và 5.000.000 đồng là tiền bị cáo A thu tiền lãi của Nguyễn Thị Hà L. Xét thấy, số tiền 10.000.000 đồng của bà Hương và số tiền 2.000.000 đồng của bị cáo A không liên quan đến tội phạm nên cần trả lại cho bà Hương và bị cáo A. Riêng đối với số tiền 5.000.000 đồng do bị cáo A vừa thu tiền lãi của Bà Lan thì bị bắt quả tAg; số tiền này trực tiếp liên quan đến tội phạm và đã được tính vào số tiền Bà Lan đã trả cho bị cáo T, nên cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước, mà không trả số tiền này lại cho Bà Lan.

[3.3] Đối với 01 (Một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu Vario, màu đen, số máy 2111265, số khung 107144, biển kiểm soát 67D2-103.45. Xét thấy, xe mô tô này

thuộc sở hữu của Nguyễn Hữu ThAnh Ph3, cho bị cáo A mượn để làm phương tiện đi lại; Phú không biết A sử dụng xe làm phương tiện phạm tội nên cần trả lại xe mô tô này cho Phú để tiếp tục quản lý, sử dụng.

[3.4] Đối với 01 (Một) điện thoại di động hiệu Iphone XS Max của bị cáo A; 01 (Một) giấy chứng minh nhân dân số 351672708, tên Nguyễn Hữu ThAnh A, do Công an tỉnh An Giang cấp ngày 10/01/2017; 01 (Một) giấy chứng minh nhân dân số 351672708, tên Nguyễn Hữu ThAnh A, do Công an tỉnh An Giang cấp ngày 06/10/2020; 01 (Một) giấy phép lái xe số 890115010898, Hạng C, tên Nguyễn Hữu ThAnh A, do Sở Giao thông vận tải tỉnh An Giang cấp ngày 11/01/2017; 01 (Một) giấy phép lái xe số 890115010898, Hạng A1, tên Nguyễn Hữu ThAnh A, do Sở Giao thông vận tải tỉnh An Giang cấp ngày 12/01/2017. Xét thấy, các tài sản, giấy tờ này không liên quan đến việc phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo A.

[3.5] Đối với 01 (Một) điện thoại di động hiệu Iphone 11 pro max màu đen, số sê ri: G6TCDJS9N70C của bị cáo A; 01 (Một) điện thoại di động hiệu Nokia, màu trắng, loại bàn phím số của bị cáo T. Xét thấy, đây là phương tiện bị cáo T và bị cáo A sử dụng vào việc phạm tội, còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

[3.6] Đối với 17 (Mười bảy) quyển tập học sinh có chữ ký của bị cáo Võ ThAnh T; 02 (Hai) quyển tập học sinh có chữ ký của bị cáo Nguyễn Hữu ThAnh A; 01 (Một) bản phô tô giấy nhận nợ đề tên Đỗ Chí Trung, ngày 06/9/2008; 01 (Một) bản phô tô giấy trả tiền đề tên Đỗ Chí Trung, ngày 05/01/2020; 01 bản phô tô giấy có nội dung gồm nhiều chữ và số, phía trên ghi chữ “NGOC + HÀ”; 01 (Một) Lệnh chuyển số 21076110300002561, ngày 30/8/2021 của Kho bạc Nhà nước huyện CP, tỉnh AnG, nội dung: “CK TIEN THEO CV SO 1096/PC02 27/8/2021 CUA PCSHS CHO CA CHAU PHU AG”, số tiền chuyển 217.000.000 đồng. Xét thấy, các giấy tờ, tài liệu này là chứng cứ trong vụ án nên cần tiếp tục lưu vào hồ sơ vụ án.

[3.7] Đối với 01 (Một) cây dao tự chế bằng kim loại màu đen dài 79cm, lưỡi dao dài 56cm, nơi rộng nhất 7cm, cán tròn dài 23cm có vỏ bao bằng kim loại màu đen; 01 (Một) cây dao tự chế bằng kim loại màu trắng dài 69cm, lưỡi dao nhọn dài 48cm, nơi rộng nhất 6cm, cán ốp gỗ dài 21cm có cột vải màu đỏ, nơi rộng nhất 3,2cm, có vỏ bao bằng vải màu đen, trên vỏ bao có cây dao phi tiêu bằng kim loại màu trắng, cột sợi vải đỏ; 01 (Một) cây dao, cả lưỡi và cán đều bằng kim loại, màu trắng; 01 (Một) cây dao, lưỡi dao bằng kim loại màu trắng, cán nhựa màu đen. Xét thấy, các cây dao này thu được của bị cáo T và bị cáo A, là loại hung khí nguy hiểm, không còn giá trị sử dụng; bị cáo T và bị cáo A đều không yêu cầu nhận lại, nên cần tịch thu tiêu hủy.

[3.8] Đối với số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự (20%/năm) mà bị cáo T đã thu được của những người vay, tổng cộng là 87.735.333 đồng, cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước. Do đó, buộc bị cáo Võ Thanh T phải nộp số tiền 87.735.333 đồng để sung vào ngân sách nhà nước.

[3.9] Đối với số tiền lãi vượt quá mức lãi suất vay cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự (20%/năm) mà bị cáo T thực tế đã thu được của những người vay, tổng cộng là 768.383.000 đồng. Số tiền này được xác định là thu lợi bất chính. Do không có cơ sở để xác định những người vay đã sử dụng tiền vay vào mục đích bất hợp pháp, nên cần buộc bị cáo T phải trả lại số tiền này cho những người vay, cụ thể: Trả cho Nguyễn Thị Hà L 101.833.333 đồng; Trần Thị Kim M 16.750.000 đồng; Mai Hồng D1 6.522.222 đồng, Nguyễn Thị Mỹ H 5.066.667 đồng, Lê Thị Ngọc H1 2.133.333 đồng, Lương Thị Tuyết M1 27.027.778 đồng, Trịnh Thị Anh Đ 1.244.444 đồng, Bùi Thanh Đ2 24.477.778 đồng, Đặng Văn S 1.344.444 đồng, Trà Phước Đ3 1.215.000 đồng, Lê Thị Bé H3 18.142.222 đồng, Trương Thị H4 115.017.000 đồng, Nguyễn Thị Cúc H5 24.477.778 đồng, Huỳnh Hữu Đ4 18.150.000 đồng, Nguyễn Ngọc Phượng L2 1.433.333 đồng, Võ Thị Thu Th 30.376.000 đồng, Quách Văn N2 495.000 đồng, Huỳnh Thanh T2 25.000.000 đồng, Nguyễn Hữu T3 11.902.222 đồng, Trần Thị Thanh C1 61.944.444 đồng, Nguyễn Thiện Ph 1.461.111 đồng, Duy Thị Kim Q 44.456.333 đồng, Lữ Thị Tuyết L3 1.177.778 đồng, Hồng Ánh Ng 27.344.444 đồng, Nguyễn Thị Mỹ Ch 35.786.667 đồng, Thái H6 533.333 đồng, Trần Song T4 5.808.333 đồng, Nguyễn Văn X 101.688.889 đồng, PhA Thị Mộng Kh 7.455.000 đồng, Trần Phi H6 24.316.667 đồng, Lê Hoàng Nh 2.150.000 đồng, Nguyễn Thanh Ph 3.116.667 đồng, Nguyễn Cà B 1.666.667 đồng, Huỳnh Thanh Ph 2.833.333 đồng, Nguyễn Tam T7 15.111.111 đồng. Tổng cộng là 768.383.000 đồng.

[3.10] Quá trình điều tra xác định bị cáo T sử dụng số tiền vốn để cho vay tổng cộng là 4.928.800.000 đồng (bao gồm 4.340.000.000 đồng tiền góp và 588.800.000 đồng tiền đứng); số tiền vốn những người vay còn nợ của bị cáo T là 1.026.683.333 đồng. Như vậy, sau khi trừ đi số tiền vốn những người vay còn nợ thì số tiền vốn bị cáo T dùng để cho vay là 3.902.116.667 đồng. Do đó, cần buộc bị cáo T phải nộp số tiền 3.902.116.667 đồng để sung vào ngân sách nhà nước.

[3.11] Buộc những người vay phải nộp lại số tiền vốn vay còn nợ của bị cáo T để sung vào ngân sách nhà nước, tổng cộng là 1.026.683.333 đồng, cụ thể: Buộc Nguyễn Thị Hà L nộp 295.833.333 đồng, Trần Thị Kim M 40.500.000 đồng, Mai Hồng D1 12.125.000 đồng, Nguyễn Thị Mỹ H 7.750.000, Lê Thị Ngọc H1 3.000.000 đồng, Lương Thị Tuyết M1 88.333.333 đồng, Trịnh Thị Anh Đ 3.000.000 đồng, Bùi Thanh Đ2 61.666.667 đồng, Đặng Văn S 3.333.333

đồng, Trà Phước Đ3 2.250.000 đồng, Lê Thị Bé H3 5.850.000 đồng, Trương Thị H4 12.750.000 đồng, Nguyễn Thị Cúc H5 21.500.000 đồng, Huỳnh Hữu Đ4 13.375.000 đồng, Nguyễn Ngọc Phượng L2 4.625.000 đồng, Võ Thị Thu Th 12.250.000 đồng, Quách Văn N2 250.000 đồng, Huỳnh ThAnh T2 50.000.000 đồng, Nguyễn Hữu T3 15.750.000 đồng, Trần Thị ThAnh C1 31.333.333 đồng, Nguyễn Thiện Ph 9.250.000 đồng, Duy Thị Kim Q 44.466.667 đồng, Hồng Ánh Ng 35.000.000 đồng, Nguyễn Thị Mỹ Ch 11.200.000 đồng, Trần Song T4 5.000.000 đồng, Nguyễn Văn X 99.500.000 đồng, PhA Thị Mộng Kh 10.916.667 đồng, Trần Phi H6 45.000.000 đồng, Lê Hoàng Nh 10.875.000 đồng, Huỳnh ThAnh Ph 20.000.000 đồng, Nguyễn Tam T7 50.000.000 đồng.

[4] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

*Căn cứ vào khoản 2 Điều 201; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự;*

- Tuyên bố: Bị cáo Võ ThAnh T phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

- Xử phạt bị cáo Võ ThAnh T 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng tù. Thời giA chấp hành hình phạt tù tính kể từ ngày bắt bị cáo Võ ThAnh T để chấp hành án. Thời giA bị cáo Võ ThAnh T bị tạm giữ, tạm giam (kể từ ngày 03/6/2021 đến ngày 30/8/2021) được trừ vào thời giA chấp hành án của bị cáo.

- Về hình phạt bổ sung: Phạt bổ sung đối với bị cáo Võ ThAnh T số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng).

*Căn cứ vào khoản 2 Điều 201; điểm s và điểm t khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự;*

- Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Hữu ThAnh A phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu ThAnh A 09 (Chín) tháng tù. Thời giA chấp hành hình phạt tù tính kể từ ngày bắt bị cáo Nguyễn Hữu ThAnh A để chấp hành án. Thời giA bị cáo Nguyễn Hữu ThAnh A bị bắt, tạm giữ, tạm giam (kể từ ngày 02/6/2021 đến ngày 29/8/2021) được trừ vào thời giA chấp hành án của bị cáo.

- Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Nguyễn Hữu ThAnh A.

*Căn cứ vào Điều 46, khoản 1 và khoản 2 Điều 47, khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự; khoản 2 và khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 5 của*

*Nghị quyết số: 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;*

- Buộc bị cáo Võ ThAnh T phải nộp số tiền 87.735.333 đồng (Tám mươi bảy triệu bảy trăm ba mươi lăm nghìn ba trăm ba mươi ba đồng) (số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự (20%/năm) mà bị cáo T đã thu được của những người vay), để sung vào ngân sách nhà nước.

- Buộc bị cáo Võ ThAnh T phải trả lại cho những người vay số tiền thu lợi bất chính (số tiền lãi vượt quá mức lãi suất vay cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự (20%/năm) mà bị cáo T thực tế đã thu được của những người vay), tổng cộng là 768.383.000 đồng (Bảy trăm sáu mươi tám triệu ba trăm tám mươi ba nghìn đồng, cụ thể như sau:

1) Trả cho Nguyễn Thị Hà L 101.833.333 đồng (Một trăm lẻ một triệu tám trăm ba mươi ba nghìn ba trăm ba mươi ba đồng).

2) Trả cho Trần Thị Kim M 16.750.000 đồng (Mười sáu triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

3) Trả cho Mai Hồng D1 6.522.222 đồng (Sáu triệu năm trăm hai mươi hai nghìn hai trăm hai mươi hai đồng).

4) Trả cho Nguyễn Thị Mỹ H 5.066.667 đồng (Năm triệu không trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm sáu mươi bảy đồng).

5) Trả cho Lê Thị Ngọc H1 2.133.333 đồng (Hai triệu một trăm ba mươi ba nghìn ba trăm ba mươi ba đồng).

6) Trả cho Lương Thị Tuyết M1 27.027.778 đồng (Hai mươi bảy triệu không trăm hai mươi bảy nghìn bảy trăm bảy mươi tám đồng).

7) Trả cho Trịnh Thị Anh Đ 1.244.444 đồng (Một triệu hai trăm bốn mươi bốn nghìn bốn trăm bốn mươi bốn đồng).

8) Trả cho Bùi ThAnh Đ2 24.477.778 đồng (Hai mươi bốn triệu bốn trăm bảy mươi bảy nghìn bảy trăm bảy mươi tám đồng).

9) Trả cho Đặng Văn S 1.344.444 đồng (Một triệu ba trăm bốn mươi bốn nghìn bốn trăm bốn mươi bốn đồng).

10) Trả cho Trà Phước Đ3 1.215.000 đồng (Một triệu hai trăm mười lăm nghìn đồng).

11) Trả cho Lê Thị Bé H3 18.142.222 đồng (Mười tám triệu một trăm bốn mươi hai nghìn hai trăm hai mươi hai đồng).

12) Trả cho Trương Thị H4 115.017.000 đồng (Một trăm mười lăm triệu không trăm mười bảy nghìn đồng).

13) Trả cho Nguyễn Thị Cúc H5 24.477.778 đồng (Hai mươi bốn triệu bốn trăm bảy mươi bảy nghìn bảy trăm bảy mươi tám đồng).

14) Trả cho Huỳnh Hữu Đ4 18.150.000 đồng (Mười tám triệu một trăm năm mươi nghìn đồng).

15) Trả cho Nguyễn Ngọc Phượng L2 1.433.333 đồng (Một triệu bốn trăm ba mươi ba nghìn ba trăm ba mươi ba đồng).

16) Trả cho Võ Thị Thu Th 30.376.000 đồng (Ba mươi triệu ba trăm bảy mươi sáu nghìn đồng).

17) Trả cho Quách Văn N2 495.000 đồng (Bốn trăm chín mươi lăm nghìn đồng).

18) Trả cho Huỳnh ThAnh T2 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng).

19) Trả cho Nguyễn Hữu T3 11.902.222 đồng (Mười một triệu chín trăm lẻ hai nghìn hai trăm hai mươi hai đồng).

20) Trả cho Trần Thị ThAnh C1 61.944.444 đồng (Sáu mươi một triệu chín trăm bốn mươi bốn nghìn bốn trăm bốn mươi bốn đồng).

21) Trả cho Nguyễn Thiện Ph 1.461.111 đồng (Một triệu bốn trăm sáu mươi một nghìn một trăm mười một đồng).

22) Trả cho Duy Thị Kim Q 44.456.333 đồng (Bốn mươi bốn triệu bốn trăm năm mươi sáu nghìn ba trăm ba mươi ba đồng).

23) Trả cho Lữ Thị Tuyết L3 1.177.778 đồng (Một triệu một trăm bảy mươi bảy nghìn bảy trăm bảy mươi tám đồng).

24) Trả cho Hồng Ánh Ng 27.344.444 đồng (Hai mươi bảy triệu ba trăm bốn mươi bốn nghìn bốn trăm bốn mươi bốn đồng).

25) Trả cho Nguyễn Thị Mỹ Ch 35.786.667 đồng (Ba mươi lăm triệu bảy trăm tám mươi sáu nghìn sáu trăm sáu mươi bảy đồng).

26) Trả cho Thái H6 533.333 đồng (Năm trăm ba mươi ba nghìn ba trăm ba mươi ba đồng).

27) Trả cho Trần Song T4 5.808.333 đồng (Năm triệu tám trăm lẻ tám nghìn ba trăm ba mươi ba đồng).

28) Trả cho Nguyễn Văn X 101.688.889 đồng (Một trăm lẻ một triệu sáu trăm tám mươi tám nghìn tám trăm tám mươi chín đồng).

29) Trả cho PhA Thị Mộng Kh 7.455.000 đồng (Bảy triệu bốn trăm năm mươi lăm nghìn đồng).

30) Trả cho Trần Phi H6 24.316.667 đồng (Hai mươi bốn triệu ba trăm mười sáu nghìn sáu trăm sáu mươi bảy đồng).

31) Trả cho Lê Hoàng Nh 2.150.000 đồng (Hai triệu một trăm năm mươi nghìn đồng).

32) Trả cho Nguyễn ThAnh Ph 3.116.667 đồng (Ba triệu một trăm mười sáu nghìn sáu trăm sáu mươi bảy đồng).

33) Trả cho Nguyễn Cà B 1.666.667 đồng (Một triệu sáu trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm sáu mươi bảy đồng).

34) Trả cho Huỳnh ThAnh Ph 2.833.333 đồng (Hai triệu tám trăm ba mươi ba nghìn ba trăm ba mươi ba đồng).

35) Trả cho Nguyễn Tam T7 15.111.111 đồng (Mười lăm triệu một trăm mười một nghìn một trăm mười một đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị cáo Võ ThAnh T chậm thực hiện nghĩa vụ thi hành án thì còn phải chịu một khoản tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

- Buộc bị cáo Võ ThAnh T phải nộp số tiền 3.902.116.667 đồng (Ba tỷ chín trăm lẻ hai triệu một trăm mười sáu nghìn sáu trăm sáu mươi bảy đồng) (số tiền vốn dùng để cho vay, sau khi đã trừ đi số tiền vốn người vay còn nợ), để sung vào ngân sách nhà nước.

- Buộc những người vay nộp vào ngân sách nhà nước số tiền vốn vay còn nợ của bị cáo Võ ThAnh T, tổng cộng là 1.026.683.333 đồng (Một tỷ không trăm hai mươi sáu triệu sáu trăm tám mươi ba nghìn ba trăm ba mươi ba đồng). Cụ thể như sau:

1) Buộc Nguyễn Thị Hà L nộp 295.833.333 đồng (Hai trăm chín mươi lăm triệu tám trăm ba mươi ba nghìn ba trăm ba mươi ba đồng).

2) Buộc Trần Thị Kim M nộp 40.500.000 đồng (Bốn mươi triệu năm trăm nghìn đồng).

3) Buộc Mai Hồng D1 nộp 12.125.000 đồng (Mười hai triệu một trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

4) Buộc Nguyễn Thị Mỹ H nộp 7.750.000 (Bảy triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

5) Buộc Lê Thị Ngọc H1 nộp 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng).

6) Buộc Lương Thị Tuyết M1 nộp 88.333.333 đồng (Tám mươi tám triệu ba trăm ba mươi ba nghìn ba trăm ba mươi ba đồng).

7) Buộc Trịnh Thị Anh Đ nộp 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng).

8) Buộc Bùi ThAnh Đ2 nộp 61.666.667 đồng (Sáu mươi một triệu sáu trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm sáu mươi bảy đồng).

9) Buộc Đặng Văn S nộp 3.333.333 đồng (Ba triệu ba trăm ba mươi ba nghìn ba trăm ba mươi ba đồng).

10) Buộc Trà Phước Đ3 nộp 2.250.000 đồng (Hai triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng).

11) Buộc Lê Thị Bé H3 nộp 5.850.000 đồng (Năm triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng).

12) Buộc Trương Thị H4 nộp 12.750.000 đồng (Mười hai triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

13) Buộc Nguyễn Thị Cúc H5 nộp 21.500.000 đồng (Hai mươi một triệu năm trăm nghìn đồng).

14) Buộc Huỳnh Hữu Đ4 nộp 13.375.000 đồng (Mười ba triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

15) Buộc Nguyễn Ngọc Phượng L2 nộp 4.625.000 đồng (Bốn triệu sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

16) Buộc Võ Thị Thu Th nộp 12.250.000 đồng (Mười hai triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng).

17) Buộc Quách Văn N2 nộp 250.000 đồng (Hai trăm năm mươi nghìn đồng).

18) Buộc Huỳnh ThAnh T2 nộp 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng).

19) Buộc Nguyễn Hữu T3 nộp 15.750.000 đồng (Mười lăm triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

20) Buộc Trần Thị ThAnh C1 nộp 31.333.333 đồng (Ba mươi một triệu ba trăm ba mươi ba nghìn ba trăm ba mươi ba đồng).

21) Buộc Nguyễn Thiện Ph nộp 9.250.000 đồng (Chín triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng).

22) Buộc Duy Thị Kim Q nộp 44.466.667 đồng (Bốn mươi bốn triệu bốn trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm sáu mươi bảy đồng).

23) Buộc Hồng Ánh Ng nộp 35.000.000 đồng (Ba mươi lăm triệu đồng).

24) Buộc Nguyễn Thị Mỹ Ch nộp 11.200.000 đồng (Mười một triệu hai trăm nghìn đồng).

25) Buộc Trần Song T4 nộp 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng).

26) Buộc Nguyễn Văn X nộp 99.500.000 đồng (Chín mươi chín triệu năm trăm nghìn đồng).

27) Buộc PhA Thị Mộng Kh nộp 10.916.667 đồng (Mười triệu chín trăm mười sáu nghìn sáu trăm sáu mươi bảy đồng).

28) Buộc Trần Phi H6 nộp 45.000.000 đồng (Bốn mươi lăm triệu đồng).

29) Buộc Lê Hoàng Nh nộp 10.875.000 đồng (Mười triệu tám trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

30) Buộc Huỳnh ThAnh Ph nộp 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng).

31) Buộc Nguyễn Tam T7 nộp 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng).

- Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước đối với:

1) Số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng);

2) 01 (Một) điện thoại di động hiệu Iphone 11 pro max màu đen, số sê ri: G6TCDJS9N70C (máy không lên nguồn, đã quan sử dụng);

3) 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, màu trắng, loại bàn phím số (máy không lên nguồn, đã quan sử dụng).

- Tịch thu tiêu hủy đối với:

1) 01 (Một) cây dao tự chế bằng kim loại màu đen dài 79cm, lưỡi dao dài 56cm, nơi rộng nhất 7cm, cán tròn dài 23cm có vỏ bao bằng kim loại màu đen;

2) 01 (Một) cây dao tự chế bằng kim loại màu trắng dài 69cm, lưỡi dao nhọn dài 48cm, nơi rộng nhất 6cm, cán ốp gỗ dài 21cm có cột vải màu đỏ, nơi rộng nhất 3,2cm, có vỏ bao bằng vải màu đen, trên vỏ bao có cây dao phi tiêu bằng kim loại màu trắng, cột sợi vải đỏ;

3) 01 (Một) cây dao, cả lưỡi và cán đều bằng kim loại, màu trắng;

4) 01 (Một) cây dao, lưỡi dao bằng kim loại màu trắng, cán nhựa màu đen.

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Hữu ThAnh A đối với:

1) Số tiền 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng);

2) 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu Apple, Iphone XS Max, màu vàng đồng (đã quan sử dụng);

3) 01 (Một) giấy chứng minh nhân dân số 351672708, tên Nguyễn Hữu ThAnh A, do Công an tỉnh An Giang cấp ngày 10/01/2017;

4) 01 (Một) giấy chứng minh nhân dân số 351672708, tên Nguyễn Hữu ThAnh A, do Công an tỉnh An Giang cấp ngày 06/10/2020;

5) 01 (Một) giấy phép lái xe số 890115010898, Hạng C, tên Nguyễn Hữu ThAnh A, do Sở Giao thông vận tải tỉnh An Giang cấp ngày 11/01/2017;

6) 01 (Một) giấy phép lái xe số 890115010898, Hạng A1, tên Nguyễn Hữu ThAnh A, do Sở Giao thông vận tải tỉnh An Giang cấp ngày 12/01/2017.

- Trả lại cho Trần Văn Ph2 số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng).
- Trả lại cho Trần Thị Kim Đ số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng).
- Trả lại cho Ngô Thị ThAnh H8 số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng).
- Trả lại cho Nguyễn Hữu ThAnh Ph3 01 (Một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu Vario, màu đen, số máy 2111265, số khung 107144, biển kiểm soát 67D2-103.45 (đã quan sử dụng, chưa kiểm tra chất lượng bên trong).
- Tiếp tục lưu vào hồ sơ vụ án đối với:
  - 1) 01 (Một) quyển tập học sinh được đánh số 1 trên trAg bìa, bên trong có ghi chữ và số ở nhiều trAg được đánh số thứ tự từ 1 đến 70 có chữ ký của Võ ThAnh T.
  - 2) 01 (Một) quyển tập học sinh được đánh số 2 trên trAg bìa, bên trong có ghi chữ và số ở nhiều trAg được đánh số thứ tự từ 1 đến 70 có chữ ký của Võ ThAnh T.
  - 3) 01 (Một) quyển tập học sinh được đánh số 3 trên trAg bìa, bên trong có ghi chữ và số ở nhiều trAg được đánh số thứ tự từ 1 đến 76 có chữ ký của Võ ThAnh T.
  - 4) 01 (Một) quyển tập học sinh được đánh số 4 trên trAg bìa, bên trong có ghi chữ và số ở nhiều trAg được đánh số thứ tự từ 1 đến 49 có chữ ký của Võ ThAnh T.
  - 5) 01 (Một) quyển tập học sinh được đánh số 5 trên trAg bìa, bên trong có ghi chữ và số ở nhiều trAg được đánh số thứ tự từ 1 đến 58 có chữ ký của Võ ThAnh T.
  - 6) 01 (Một) quyển tập học sinh được đánh số 6 trên trAg bìa, bên trong có ghi chữ và số ở nhiều trAg được đánh số thứ tự từ 1 đến 66 có chữ ký của Võ ThAnh T.
  - 7) 01 (Một) quyển tập học sinh được đánh số 7 trên trAg bìa, bên trong có ghi chữ và số ở nhiều trAg được đánh số thứ tự từ 1 đến 76 có chữ ký của Võ ThAnh T.
  - 8) 01 (Một) quyển tập học sinh được đánh số 8 trên trAg bìa, bên trong có ghi chữ và số ở nhiều trAg được đánh số thứ tự từ 1 đến 33 có chữ ký của Võ ThAnh T.

9) 01 (Một) quyển tập học sinh được đánh số 9 trên trAg bìa, bên trong có ghi chữ và số ở nhiều trAg được đánh số thứ tự từ 1 đến 64 có chữ ký của Võ ThAnh T.

10) 01 (Một) quyển tập học sinh được đánh số 10 trên trAg bìa, bên trong có ghi chữ và số ở nhiều trAg được đánh số thứ tự từ 1 đến 73 có chữ ký của Võ ThAnh T.

11) 01 (Một) quyển tập học sinh được đánh số 11 trên trAg bìa, bên trong có ghi chữ và số ở nhiều trAg được đánh số thứ tự từ 1 đến 57 có chữ ký của Võ ThAnh T.

12) 01 (Một) quyển tập học sinh được đánh số 12 trên trAg bìa, bên trong có ghi chữ và số ở nhiều trAg được đánh số thứ tự từ 1 đến 46 có chữ ký của Võ ThAnh T.

13) 01 (Một) quyển tập học sinh được đánh số 13 trên trAg bìa, bên trong có ghi chữ và số ở nhiều trAg được đánh số thứ tự từ 1 đến 86 có chữ ký của Võ ThAnh T.

14) 01 (Một) quyển tập học sinh được đánh số 14 trên trAg bìa, bên trong có ghi chữ và số ở nhiều trAg được đánh số thứ tự từ 1 đến 81 có chữ ký của Võ ThAnh T.

15) 01 (Một) quyển tập học sinh được đánh số 15 trên trAg bìa, bên trong có ghi chữ và số ở nhiều trAg được đánh số thứ tự từ 1 đến 34 có chữ ký của Võ ThAnh T.

16) 01 (Một) quyển tập học sinh được đánh số 16 trên trAg bìa, bên trong có ghi chữ và số ở nhiều trAg được đánh số thứ tự từ 1 đến 61 có chữ ký của Võ ThAnh T.

17) 01 (Một) quyển tập học sinh được đánh số 17 trên trAg bìa, bên trong có ghi chữ và số ở nhiều trAg được đánh số thứ tự từ 1 đến 60 có chữ ký của Võ ThAnh T.

18) 01 (Một) quyển tập học sinh, trên bìa có chữ “Hello Kitty”, bên trong có ghi nhiều chữ và số trên 49 trAg, được đánh số từ 1 đến 49, có chữ ký của Nguyễn Hữu ThAnh A.

19) 01 (Một) quyển tập học sinh, trên bìa có chữ “ABC”, bên trong có ghi nhiều chữ và số trên 174 trAg, được đánh số từ 1 đến 174, có chữ ký của Nguyễn Hữu ThAnh A.

20) 01 (Một) bản phô tô giấy nhận nợ đề tên Đỗ Chí Trung, ngày 06/9/2008.

21) 01 (Một) bản phô tô giấy trả tiền đề tên Đỗ Chí Trung, ngày 05/01/2020.

22) 01 (Một) bản phô tô giấy có nội dung gồm nhiều chữ và số, phía trên ghi chữ “NGOC + HÀ”.

23) 01 (Một) Lệnh chuyển có số 21076110300002561, ngày 30/8/2021 của Kho bạc Nhà nước huyện CP, tỉnh AnG. Nội dung: CK TIEN THEO CV SO 1096/PC02 27/8/2021 CUA PCSHS CHO CA CHAU PHU AG, số tiền chuyển 217.000.000 đồng.

Tất cả những tài sản, vật chứng nêu trên hiện do Chi cục Thi hành án dân sự huyện CP, tỉnh AG đang quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 07/12/2021 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện CP, tỉnh AG và Chi cục Thi hành án dân sự huyện CP, tỉnh AG.

Riêng đối với số tiền 217.000.000 đồng (Hai trăm mười bảy triệu đồng) hiện do Kho bạc Nhà nước huyện CP, tỉnh AnG đang quản lý, theo Lệnh chuyển có số 21076110300002561, ngày 30/8/2021 của Kho bạc Nhà nước huyện CP, tỉnh AnG, nội dung: CK TIEN THEO CV SO 1096/PC02 27/8/2021 CUA PCSHS CHO CA CHAU PHU AG, số tiền chuyển 217.000.000 đồng, để đảm bảo cho việc thi hành án đối với số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) bị tịch thu sung vào ngân sách nhà nước, số tiền 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) trả lại cho bị cáo Nguyễn Hữu Thanh A, số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) trả lại cho Trần Văn Ph2, số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) trả lại cho Trần Thị Kim Đ và số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) trả lại cho Ngô Thị Thanh H8.

*Căn cứ vào các điều 136, 331 và 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;*

- Về án phí: Bị cáo Võ Thanh T và bị cáo Nguyễn Hữu Thanh A mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo:

+ Bị cáo Võ Thanh T, bị cáo Nguyễn Hữu Thanh A, Trần Thị Kim Đ, Ngô Thị Thanh H8, Nguyễn Hữu Thanh Ph3, Nguyễn Thị Hà L, Nguyễn Thị Mỹ H, Trà Phước Đ3, Võ Thị Thu Th, Nguyễn Hữu T3, Hồng Ánh Ng có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

+ Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Bị cáo, đương sự (42);
- TAD tỉnh An Giang (1);
- VKSND tỉnh An Giang (1);
- VKSND huyện Châu Phú (1);
- Bộ phận THA Tòa án (1);
- Chi cục THADS huyện Châu Phú (1);
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh AnG (1);
- Sở Tư Pháp tỉnh AnG (1);
- Lưu hồ sơ vụ án (1);
- Lưu VT (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Duy Linh**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Cao Trí**

**Nguyễn Phú Lộc**

**Nguyễn Duy Linh**